

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/KDTM-ST

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hùng Bích - Bà Hồ Thị Kim Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2024/TLST-KDTM, ngày 17 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2025/QĐXX-KDTM, ngày 11 tháng 02 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 81/2025/QĐST-KDTM, ngày 05 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần N. Địa chỉ trụ sở chính: A T, phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T - Chủ tịch Hội đồng Quản trị V1.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh T: Ông Trần Lý Phước T1 - Phó Giám đốc được giao nhiệm vụ phụ trách điều hành V1, chi nhánh A. Văn bản ủy quyền số 1186/UQ-VCB-PC ngày 09/9/2024.

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Trần Lý Phước T1: Ông Đặng Văn H - Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần N, chi nhánh A. Văn bản ủy quyền số 11/UQ-VCB-AG ngày 05/3/2025. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn X1. Địa chỉ trụ sở công ty: 17 H, tổ D, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Vĩnh T2 - Giám đốc. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Vĩnh T2, sinh năm 1968. Vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1972. Vắng mặt.

3.3. Chị Phạm Kim P, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: E L, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.4. Chị Phạm Kim H1, sinh năm 1997. Vắng mặt.

3.5. Em Phạm Kim V, sinh năm 2011. Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: 17 H, tổ D, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật của em Phạm Kim V: Ông Phạm Vĩnh T2 và bà Nguyễn Thị Thanh X. Cùng địa chỉ: E L, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Đặng Văn H đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/6/2023 Ngân hàng Thương mại cổ phần N (sau đây gọi là Ngân hàng) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn X1 (sau đây gọi là công ty X1) thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng cho vay hạn mức số 280/2023/VCB.AG (kèm hợp đồng cấp tín dụng số 279/2023/VCB.AG ngày 19/6/2023 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung). Theo đó, Ngân hàng cho công ty X1 vay với hạn mức theo hợp đồng là 25.000.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty X1, kỳ hạn vay của mỗi khoản vay tối đa 09 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay được ghi trên từng giấy nhận nợ. Ngân hàng đã giải ngân cho công ty X1 theo từng giấy nhận nợ, như sau:

1/ Giấy nhận nợ số 25 ngày 02/11/2023, công ty X1 vay 2.051.446.522 đồng, lãi suất trong hạn cố định 7,6%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

2/ Giấy nhận nợ số 26 ngày 03/11/2023, công ty X1 vay 1.400.000.000 đồng, lãi suất trong hạn cố định 7,6%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

3/ Giấy nhận nợ số 27 ngày 06/11/2023, công ty X1 vay 887.205.860 đồng, lãi suất trong hạn cố định 7,6%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

4/ Giấy nhận nợ số 28 ngày 07/11/2023, công ty X1 vay 800.000.000 đồng, lãi suất trong hạn cố định 7,6%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

5/ Giấy nhận nợ số 29 ngày 28/11/2023, công ty X1 vay 239.147.580 đồng, lãi suất trong hạn cố định 7%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

6/ Giấy nhận nợ số 30 ngày 02/01/2024, công ty X1 vay 3.000.000.000 đồng, lãi suất trong hạn cố định 7%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

7/ Giấy nhận nợ số 31 ngày 10/01/2024, công ty X1 vay 183.124.732 đồng, lãi suất trong hạn cố định 7%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

8/ Giấy nhận nợ số 32 ngày 11/01/2024, công ty X1 vay 53.834.220 đồng, lãi suất trong hạn cố định 7%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

9/ Giấy nhận nợ số 33 ngày 16/01/2024, công ty X1 vay 598.721.140 đồng, lãi suất trong hạn cố định 7%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

10/ Giấy nhận nợ số 34 ngày 17/01/2024, công ty X1 vay 447.689.688 đồng, lãi suất trong hạn cố định 7%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

11/ Giấy nhận nợ số 35 ngày 23/01/2024, công ty X1 vay 407.800.000 đồng, lãi suất trong hạn cố định 7%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

12/ Giấy nhận nợ số 36 ngày 24/01/2024, công ty X1 vay 329.200.000 đồng, lãi suất trong hạn cố định 7%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

13/ Giấy nhận nợ số 37 ngày 25/01/2024, công ty X1 vay 427.697.888 đồng, lãi suất trong hạn cố định 7%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

14/ Giấy nhận nợ số 38 ngày 25/01/2024, công ty X1 vay 52.200.000 đồng, lãi suất trong hạn cố định 7%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

15/ Giấy nhận nợ số 39 ngày 29/01/2024, công ty X1 vay 365.033.491 đồng, lãi suất trong hạn cố định 7%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

16/ Giấy nhận nợ số 40 ngày 30/01/2024, công ty X1 vay 412.000.000 đồng, lãi suất trong hạn cố định 7%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

17/ Giấy nhận nợ số 41 ngày 31/01/2024, công ty X1 vay 222.475.000 đồng, lãi suất trong hạn cố định 7%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

18/ Giấy nhận nợ số 42 ngày 06/02/2024, công ty X1 vay 397.995.967 đồng, lãi suất trong hạn cố định 7%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

19/ Giấy nhận nợ số 43 ngày 23/02/2024, công ty X1 vay 318.829.501 đồng, lãi suất trong hạn cố định 7%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

20/ Giấy nhận nợ số 44 ngày 15/3/2024, công ty X1 vay 2.020.225.790 đồng, lãi suất trong hạn cố định 6,9%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

21/ Giấy nhận nợ số 45 ngày 03/4/2024, công ty X1 vay 608.010.000 đồng, lãi suất trong hạn cố định 6,6%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

22/ Giấy nhận nợ số 46 ngày 11/4/2024, công ty X1 vay 587.850.000 đồng, lãi suất trong hạn cố định 6,6%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

23/ Giấy nhận nợ số 47 ngày 12/4/2024, công ty X1 vay 1.156.177.730 đồng, lãi suất trong hạn cố định 6,6%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

24/ Giấy nhận nợ số 48 ngày 12/4/2024, công ty X1 vay 372.964.459 đồng, lãi suất trong hạn cố định 6,6%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

25/ Giấy nhận nợ số 49 ngày 16/4/2024, công ty X1 vay 62.520.000 đồng, lãi suất trong hạn cố định 6,6%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

26/ Giấy nhận nợ số 50 ngày 02/5/2024, công ty X1 vay 158.800.000 đồng, lãi suất trong hạn cố định 6,6%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

27/ Giấy nhận nợ số 51 ngày 03/5/2024, công ty X1 vay 142.650.000 đồng, lãi suất trong hạn cố định 6,6%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

28/ Giấy nhận nợ số 52 ngày 08/5/2024, công ty X1 vay 18.500.000 đồng, lãi suất trong hạn cố định 6,6%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

29/ Giấy nhận nợ số 53 ngày 17/5/2024, công ty X1 vay 2.822.496.600 đồng, lãi suất trong hạn cố định 6,6%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

30/ Giấy nhận nợ số 54 ngày 22/5/2024, công ty X1 vay 994.660.000 đồng, lãi suất trong hạn cố định 6,6%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

31/ Giấy nhận nợ số 55 ngày 27/5/2024, công ty X1 vay 1.279.197.000 đồng, lãi suất trong hạn cố định 6,6%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

32/ Giấy nhận nợ số 56 ngày 03/6/2024, công ty X1 vay 899.896.580 đồng, lãi suất trong hạn cố định 6,6%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

33/ Giấy nhận nợ số 57 ngày 05/6/2024, công ty X1 vay 334.017.792 đồng, lãi suất trong hạn cố định 6,6%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

34/ Giấy nhận nợ số 58 ngày 07/6/2024, công ty X1 vay 948.309.670 đồng, lãi suất trong hạn cố định 6,6%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

Để bảo đảm khoản vay trên cho công ty X1, Ngân hàng và ông Phạm Vĩnh T2, bà Nguyễn Thị Thanh X, chị Phạm Kim P là bên bảo lãnh thỏa thuận ký các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, gồm:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 92/2023/VCB.AG ngày 20/6/2023 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 15/8/2024. Tài sản bảo đảm: 1/ Quyền sử dụng đất diện tích 134,8m², thửa đất số 384, tờ bản đồ số 17 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS16514 ngày 04/02/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho ông Phạm Vĩnh T2, bà Nguyễn Thị Thanh X; 2/ Quyền sử dụng đất diện tích 5343m², thửa đất số 61; Quyền sử dụng đất diện tích 10755m², thửa đất số 62; Quyền sử dụng đất diện tích 9790m², thửa đất số 63; cả 03 diện tích đất này đều thuộc tờ bản đồ số 48 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03985 ngày 27/5/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho ông Phạm Vĩnh T2, bà Nguyễn Thị Thanh X.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 98/2020/VCB.AG ngày 20/02/2020 và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 05/6/2021, số 02 ngày 07/4/2022, số 04 ngày 15/8/2024. Tài sản bảo đảm: Quyền sử dụng đất diện tích 121,6m², thửa đất số 506, tờ bản đồ số 12 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01403dA ngày 26/6/2009 do Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang cấp cho ông Phạm Vĩnh T2, bà Nguyễn Thị Thanh X; và tài sản gắn liền với đất là nhà ở diện tích sàn 379,74m² theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 898833029800458 ngày 09/12/2009 do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp cho ông Phạm Vĩnh T2, bà Nguyễn Thị Thanh X.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 96/2020/VCB.AG ngày 20/02/2020 và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 05/6/2021, số 02 ngày 07/4/2022, số 04 ngày 15/8/2024. Tài sản bảo đảm: 1/ Quyền sử dụng đất diện tích 1925,1m², thửa đất số 14, tờ bản đồ số 37 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH07107 ngày 24/4/2015 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp cho chị Phạm Kim P; 2/ Quyền sử dụng đất diện tích 1572m², thửa đất số 283, tờ bản đồ số 81 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH07806 ngày 24/4/2015 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp cho chị Phạm Kim P.

Quá trình thực hiện hợp tín dụng công ty X1 không trả vốn lãi theo thỏa thuận mặc dù Ngân hàng nhiều lần yêu cầu công ty T3 nợ. Do công ty X1 vi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng yêu cầu công ty X1 chịu trách nhiệm trả nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 26/3/2025 là 26.322.913.211 đồng. Trong đó, nợ gốc 24.858.397.415 đồng; nợ lãi 1.464.515.796 đồng (lãi trong hạn 1.151.996.013 đồng, lãi quá hạn 296.651.736 đồng, lãi chậm trả 15.868.047 đồng) yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận đã ký trên từng giấy nhận nợ của hợp đồng cho vay hạn mức số: 280/2023/VCB.AG (kèm hợp đồng cấp tín dụng số 279/2023/VCB.AG ngày 19/6/2023 và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung), kể từ ngày 27/3/2025 cho đến khi công ty X1 trả hết nợ Ngân hàng.

Trường hợp công ty X1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý bất kỳ tài sản nào khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của công ty X1 để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn X1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phiên tòa được mở lần thứ hai, bị đơn và những người liên quan tiếp tục vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Thẩm phán chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định quan hệ tranh chấp kinh doanh thương mại, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thủ tục tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định tại Điều 171, 175, 177, 179 BLTTDS. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Bị đơn, người liên quan chưa chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của BLTTSD về việc xét xử vụ án.

* Ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn công ty trách nhiệm hữu hạn X1 trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền vốn còn nợ là 24.858.397.415 đồng, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả và lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận đã ký kết trên từng giấy nhận nợ của hợp đồng cho vay theo hạn mức số: 280/2023/VCB.AG (kèm hợp đồng cấp tín dụng số 279/2023/VCB.AG ngày 19/6/2023 và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung), tạm tính đến ngày 26/3/2025. Kể từ ngày tiếp theo 27/3/2025, bị đơn còn phải

tiếp tục thanh toán lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng và từng giấy nhận nợ.

Trường hợp, công ty X1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp số 92/2023/VCB.AG ngày 20/6/2023, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 98/2020/VCB.AG ngày 20/02/2020, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 96/2020/VCB.AG ngày 20/02/2020 và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo để thu hồi nợ.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, nguyên đơn tự nguyện chịu.

Công ty trách nhiệm hữu hạn X1 chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ngân hàng Thương mại cổ phần N khởi kiện yêu cầu Tòa án thành phố L giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn X1. Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, nên thuộc tranh chấp về kinh doanh thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại tiêu mục 10.2 Điều 10 của hợp đồng cấp tín dụng số 279/2023/VCB.AG, ngày 19/6/2023 nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận phát sinh tranh chấp do Tòa án có thẩm quyền nơi Ngân hàng Thương mại cổ phần N, chi nhánh A có trụ sở tại thời điểm nộp đơn khởi kiện. Trụ sở Ngân hàng Thương mại cổ phần N, chi nhánh A tọa lạc tại B H, phường M, thành phố L nên Tòa án thành phố L giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn X1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên vắng mặt không có lý do, nguyên đơn không yêu cầu hoãn phiên tòa. Xét thấy Tòa án đã thu thập, thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định, việc vắng mặt của bị đơn, người liên quan không trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Ngày 19/6/2023 Ngân hàng X1 ký hợp đồng tín dụng cho vay theo hạn mức số 280/2023/VCB.AG (kèm hợp đồng cấp tín dụng số 279/2023/VCB.AG ngày 19/6/2023 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung). Theo đó, Ngân hàng cho công ty X1 vay với hạn mức theo hợp đồng là 25.000.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty X1, kỳ hạn mỗi khoản vay tối đa 09

tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay được ghi trên từng giấy nhận nợ. Ngân hàng đã giải ngân cho công ty X1 đủ số tiền theo 34 giấy nhận nợ như trên do ông Phạm Vĩnh T2 là người đại diện theo pháp luật công ty X1 ký tên xác nhận trên từng giấy nhận nợ.

[2.2]. Quá trình thực hiện hợp đồng công ty X1 không trả vốn lãi theo thỏa thuận mặc dù Ngân hàng nhiều lần yêu cầu công ty T3 nợ. Do công ty X1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu công ty X1 chịu trách nhiệm trả nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 26/3/2025 là 26.322.913.211 đồng. Trong đó nợ gốc 24.858.397.415 đồng; nợ lãi 1.464.515.796 đồng (lãi trong hạn 1.151.996.013 đồng, lãi quá hạn 296.651.736 đồng, lãi chậm trả 15.868.047 đồng) yêu cầu công ty X1 tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận đã ký trên từng giấy nhận nợ của hợp đồng cho vay hạn mức số: 280/2023/VCB.AG (kèm hợp đồng cấp tín dụng số 279/2023/VCB.AG ngày 19/6/2023 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung) kể từ ngày 27/3/2025 cho đến khi công ty X1 trả hết nợ Ngân hàng.

[2.3]. Trường hợp công ty X1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích 134,8m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS16514 ngày 04/02/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho ông Phạm Vĩnh T2, bà Nguyễn Thị Thanh X; 2/ Quyền sử dụng đất diện tích 5343m²; Quyền sử dụng đất diện tích 10755m²; Quyền sử dụng đất diện tích 9790m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03985 ngày 27/5/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho ông Phạm Vĩnh T2, bà Nguyễn Thị Thanh X theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 92/2023/VCB.AG ngày 20/6/2023; hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01, ngày 15/8/2024.

- Quyền sử dụng đất diện tích 121,6m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01403dA ngày 26/6/2009 do Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang cấp cho ông Phạm Vĩnh T2, bà Nguyễn Thị Thanh X; và tài sản gắn liền với đất là nhà ở diện tích sàn 379,74m² theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 898833029800458 ngày 09/12/2009 do Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang cấp cho ông Phạm Vĩnh T2, bà Nguyễn Thị Thanh X theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 98/2020/VCB.AG ngày 20/02/2020; hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01, ngày 05/6/2021; số 02, ngày 07/4/2022; số 04, ngày 15/8/2024.

- Quyền sử dụng đất diện tích 1925,1m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH07107 ngày 24/4/2015 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp cho chị Phạm Kim P; Quyền sử dụng đất diện tích 1572m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH07806 ngày 24/4/2015 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp cho chị Phạm Kim P theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất

số 96/2020/VCB.AG ngày 20/02/2020; hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01, ngày 05/6/2021; số 02, ngày 07/4/2022; số 04, ngày 15/8/2024.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý bất kỳ tài sản nào khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của công ty X1 để thu hồi nợ theo quy định.

[3]. Qua lời trình bày của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn và xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy, Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng những người tham gia tố tụng này vẫn vắng mặt không có lý do, không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải; không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bị đơn, người liên quan đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của đương sự quy định tại khoản 5 Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ hợp đồng tín dụng cho vay theo hạn mức số 280/2023/VCB.AG ngày 19/6/2023 (kèm hợp đồng tín dụng số 279/2023/VCB.AG ngày 19/6/2023 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung); hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 92/2023/VCB.AG ngày 20/6/2023, hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01 ngày 15/8/2024; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 98/2020/VCB.AG ngày 20/02/2020, hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01 ngày 05/6/2021, số 02 ngày 07/4/2022, số 04 ngày 15/8/2024; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 96/2020/VCB.AG ngày 20/02/2020, hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01 ngày 05/6/2021, số 02 ngày 07/4/2022, số 04 ngày 15/8/2024; các giấy nhận nợ nêu trên do đại diện theo pháp luật của công ty X1 ký nhận; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Trách nhiệm hữu hạn X1; Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty Trách nhiệm hữu hạn X1; phương án sử dụng vốn của công ty Trách nhiệm hữu hạn X1; Biên bản làm việc giữa công ty Trách nhiệm hữu hạn X1 và Ngân hàng Thương mại cổ phần N, chi nhánh A với ông Phạm Vĩnh T2, bà Nguyễn Thị Thanh X, chị Phạm Kim P ngày 19/12/2024 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 26/3/2025 là 26.322.913.211 đồng. Trong đó, nợ gốc 24.858.397.415 đồng; nợ lãi 1.464.515.796 đồng (lãi trong hạn 1.151.996.013 đồng, lãi quá hạn 296.651.736 đồng, lãi chậm trả 15.868.047 đồng). Công ty X1 tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận đã ký trên từng giấy nhận nợ của hợp đồng cho vay hạn mức số: 280/2023/VCB.AG (kèm hợp đồng cấp tín dụng số 279/2023/VCB.AG ngày 19/6/2023 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung) kể từ ngày 27/3/2025 cho đến khi công ty X1 trả hết nợ Ngân hàng.

[4]. Đối với yêu cầu nguyên đơn về xử lý các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 92/2023/VCB.AG ngày 20/6/2023, hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01 ngày 15/8/2024; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 98/2020/VCB.AG ngày 20/02/2020, hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01 ngày 05/6/2021, số 02 ngày 07/4/2022, số 04 ngày 15/8/2024; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 96/2020/VCB.AG ngày

20/02/2020, hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01 ngày 05/6/2021, số 02 ngày 07/4/2022, số 04 ngày 15/8/2024 để thu hồi nợ. Xét thấy, các tài sản thế chấp nêu trên có công chứng và đăng ký thế chấp đúng quy định về đăng ký thế chấp, do đó Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án.

[5]. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng đã tạm nộp 10.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, số tiền thực chi 4.200.000 đồng, đã hoàn lại Ngân hàng 5.800.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, lẽ ra bị đơn phải hoàn lại nguyên đơn 4.200.000 đồng, nhưng nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí tố tụng này, được trừ vào tạm ứng chi phí đã nộp. Nguyên đơn đã nộp xong.

[6]. Về án phí: Bị đơn công ty X1 chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

Ngân hàng được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 466; Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N đối với công ty Trách nhiệm hữu hạn X1.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn X1 có nghĩa vụ trả Ngân hàng Thương mại cổ phần N nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 26/3/2025 là 26.322.913.211đ (Hai mươi sáu tỷ ba trăm hai mươi hai triệu chín trăm mười ba nghìn hai trăm mười một) đồng. Trong đó, nợ gốc 24.858.397.415 đồng; nợ lãi 1.464.515.796 đồng (lãi trong hạn 1.151.996.013 đồng, lãi quá hạn 296.651.736 đồng, lãi chậm trả 15.868.047 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 26/3/2025 (ngày 27/3/2025) công ty Trách nhiệm hữu hạn X1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà công ty Trách nhiệm hữu hạn X1 vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp công ty Trách nhiệm hữu hạn X1 không thanh toán nợ hoặc thanh toán nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần N có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp:

- Quyền sử dụng đất diện tích 134,8m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS16514 ngày 04/02/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho ông Phạm Vĩnh T2, bà Nguyễn Thị Thanh X; 2/ Quyền sử dụng đất diện tích 5343m²; Quyền sử dụng đất diện tích 10755m²; Quyền sử dụng đất diện tích 9790m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03985 ngày 27/5/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho ông Phạm Vĩnh T2, bà Nguyễn Thị Thanh X theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 92/2023/VCB.AG ngày 20/6/2023; hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01 ngày 15/8/2024.

- Quyền sử dụng đất diện tích 121,6m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01403dA ngày 26/6/2009 do Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang cấp cho ông Phạm Vĩnh T2, bà Nguyễn Thị Thanh X; và tài sản gắn liền với đất là nhà ở diện tích sàn 379,74m² theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 898833029800458 ngày 09/12/2009 do Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang cấp cho ông Phạm Vĩnh T2, bà Nguyễn Thị Thanh X theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 98/2020/VCB.AG ngày 20/02/2020; hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01 ngày 05/6/2021; số 02 ngày 07/4/2022; số 04 ngày 15/8/2024.

- Quyền sử dụng đất diện tích 1925,1m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH07107 ngày 24/4/2015 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp cho chị Phạm Kim P; Quyền sử dụng đất diện tích 1572m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH07806 ngày 24/4/2015 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp cho chị Phạm Kim P theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 96/2020/VCB.AG ngày 20/02/2020; hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01 ngày 05/6/2021; số 02 ngày 07/4/2022; số 04 ngày 15/8/2024 để thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản bảo đảm vẫn không đủ để Ngân hàng Thương mại cổ phần N thu hồi nợ thì công ty Trách nhiệm hữu hạn X1 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Về chi phí tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần N tự nguyện chịu 5.800.000đ (Năm triệu tám trăm nghìn) đồng chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng đã thực hiện xong.

Về án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn X1 chịu 134.323.000đ (Một trăm ba mươi bốn triệu ba trăm hai mươi ba nghìn) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần N được nhận lại 66.628.000đ (Sáu mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001600, ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP./.

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa